

Số: /KH-UBND

Ngọc Lặc, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn xã Ngọc Lặc giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045

Thực hiện Kế hoạch số 282/KH-UBND ngày 04/8/2026 của UBND Tỉnh Thanh Hóa về Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; Ủy ban nhân dân xã Ngọc Lặc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn xã Ngọc Lặc giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045 và Kế hoạch của UBND tỉnh Thanh Hóa phù hợp với điều kiện thực tế của xã Ngọc Lặc; cụ thể hóa các mục tiêu phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã.

Đẩy mạnh chuyển đổi toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của UBND xã trên môi trường số; khai thác hiệu quả dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch, nhanh chóng và chính xác.

Tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng thuận lợi các dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, định danh điện tử và các nền tảng số quốc gia; nâng cao chất lượng phục vụ của chính quyền cơ sở.

Khuyến khích hộ kinh doanh, doanh nghiệp trên địa bàn ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử; nâng cao kỹ năng số của người dân, thu hẹp khoảng cách số giữa các nhóm dân cư.

Từng bước hình thành nền hành chính hiện đại dựa trên dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), các nền tảng số dùng chung và các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng giải quyết công việc và cải cách hành chính.

2. Yêu cầu

Việc triển khai chuyển đổi số phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, sự quản lý thống nhất của UBND xã; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính của địa phương.

Tổ chức xây dựng, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật và khai thác hiệu quả dữ liệu theo nguyên tắc "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung", gắn với khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và dữ liệu của tỉnh.

Việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số phải đồng thời góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, giảm thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

Các hệ thống thông tin, dữ liệu và nền tảng số của UBND xã phải được quản lý, khai thác và vận hành theo đúng quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật nhà nước.

Phát huy trách nhiệm Người đứng đầu UBND xã, các phòng, ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực được phân công; lấy kết quả chuyển đổi số làm một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, xây dựng UBND xã Ngọc Lặc trở thành chính quyền số hiện đại, hoạt động dựa trên dữ liệu, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, điều hành; cung cấp dịch vụ công thuận tiện, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả ba trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nền tảng số dùng chung của Trung ương, tỉnh và địa phương; xây dựng môi trường số an toàn, tin cậy, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền và nhu cầu của Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(Chi tiết các chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Để hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, UBND xã Ngọc Lặc tập trung triển khai 06 nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo; hoàn thiện cơ chế và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

1.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo

Tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của xã; phân công rõ trách nhiệm của từng thành viên trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

Người đứng đầu các bộ phận chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực phụ trách.

Đưa các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.2. Hoàn thiện cơ chế quản lý

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý, khai thác và sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, hồ sơ điện tử, chữ ký số, bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành.

Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu số của UBND xã; quy định trách nhiệm cập nhật, chia sẻ và sử dụng dữ liệu giữa các bộ phận chuyên môn.

Chuẩn hóa quy trình xử lý công việc trên môi trường điện tử; giảm tối đa việc xử lý hồ sơ giấy trong nội bộ cơ quan.

1.3. Nâng cao nhận thức

Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về vai trò của chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phát động các phong trào thi đua về chuyển đổi số, xây dựng mô hình "Cơ quan số", "Thôn số", "Công dân số", "Gia đình số".

Biểu dương, nhân rộng các tập thể, cá nhân có sáng kiến, mô hình hay trong chuyển đổi số.

2. Phát triển hạ tầng số và nền tảng số

2.1. Hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin

Rà soát, đầu tư nâng cấp hệ thống máy tính, máy in, máy quét, thiết bị lưu trữ, đường truyền Internet và mạng LAN của UBND xã đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Bảo đảm 100% cán bộ, công chức có thiết bị phục vụ xử lý công việc trên môi trường số.

Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông bảo đảm chất lượng hạ tầng Internet, phủ sóng băng rộng, mạng di động tốc độ cao trên địa bàn.

2.2. Khai thác các nền tảng số dùng chung

Khai thác hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia, thư điện tử công vụ, chữ ký số, hệ thống hội nghị trực tuyến và các nền tảng số dùng chung của tỉnh.

Thực hiện nghiêm việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

Tăng cường sử dụng các nền tảng họp không giấy, lưu trữ điện tử và trao đổi công việc trực tuyến.

2.3. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

Khuyến khích cán bộ, công chức sử dụng các nền tảng trợ lý AI phục vụ soạn thảo văn bản, tổng hợp báo cáo, tra cứu văn bản quy phạm pháp luật, hỗ trợ giải quyết công việc theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Từng bước nghiên cứu ứng dụng AI trong tiếp nhận phản ánh, trả lời câu hỏi thường gặp, thống kê, phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Nội dung này bám sát định hướng của kế hoạch cấp tỉnh về thúc đẩy ứng dụng AI trong quản lý, điều hành.

3. Phát triển dữ liệu số và xây dựng chính quyền số

3.1. Chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu

Tổ chức rà soát, chuẩn hóa, cập nhật các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của UBND xã theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".

Thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, lưu trữ điện tử theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp trên.

Khai thác hiệu quả dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nhằm giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi giải quyết thủ tục hành chính.

3.2. Phát triển hồ sơ điện tử và dịch vụ công trực tuyến

100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái sử dụng dữ liệu điện tử trong giải quyết các thủ tục hành chính tiếp theo.

Khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và nhận kết quả điện tử.

3.3. Khai thác dữ liệu phục vụ điều hành

Các bộ phận chuyên môn thường xuyên cập nhật, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã; ưu tiên khai thác dữ liệu trong các lĩnh vực dân cư, hộ tịch, an sinh xã hội, giáo dục, y tế, văn hóa, đất đai theo phân cấp, góp phần nâng cao chất lượng dự báo, thống kê và ra quyết định.

4. Phát triển kinh tế số

4.1. Hỗ trợ doanh nghiệp và hộ kinh doanh chuyển đổi số

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh, doanh nghiệp viễn thông và ngân hàng tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, bán hàng và thanh toán điện tử.

Khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử và các nền tảng thương mại điện tử phù hợp với quy mô hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

4.2. Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt

Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong cung cấp dịch vụ công, giáo dục, y tế, thương mại và các giao dịch dân sự.

Hỗ trợ triển khai thanh toán bằng mã QR tại các hộ kinh doanh, chợ, cơ sở dịch vụ trên địa bàn khi có đủ điều kiện.

4.3. Quảng bá sản phẩm địa phương

Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của địa phương trên các nền tảng số, mạng xã hội và sàn thương mại điện tử, phù hợp với định hướng thúc đẩy thương mại điện tử theo kế hoạch cấp tỉnh.

5. Phát triển xã hội số

5.1. Nâng cao kỹ năng số cho người dân

Duy trì, phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn.

Tổ chức các lớp tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, chữ ký số cá nhân, thanh toán điện tử và các nền tảng số thiết yếu.

Lồng ghép thực hiện phong trào "Bình dân học vụ số" nhằm phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân.

5.2. Thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục, y tế, văn hóa

Phối hợp với các trường học, trạm y tế triển khai hiệu quả các nền tảng số chuyên ngành theo hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên.

Khuyến khích người dân sử dụng sổ sức khỏe điện tử, hồ sơ học tập điện tử và các dịch vụ số trong giáo dục, y tế, văn hóa.

5.3. Phát triển công dân số

Khuyến khích người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử, chữ ký số cá nhân và các ứng dụng số phục vụ giao dịch với cơ quan nhà nước.

Tăng cường tuyên truyền kỹ năng bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống lừa đảo trên không gian mạng và sử dụng Internet an toàn. Các nội dung này bám sát nhóm nhiệm vụ phát triển xã hội số theo kế hoạch cấp tỉnh.

6. Bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng

Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với toàn bộ hệ thống thông tin, thiết bị và dữ liệu của UBND xã.

Thường xuyên rà soát, cập nhật phần mềm, sao lưu dữ liệu, quản lý tài khoản người dùng và kiểm tra việc sử dụng thiết bị công nghệ thông tin.

Phối hợp với Công an xã và cơ quan chuyên môn của tỉnh trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý các sự cố an toàn thông tin mạng; tuyên truyền, cảnh báo các hình thức lừa đảo trên không gian mạng cho người dân.

Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân và an ninh mạng trong quá trình chuyển đổi số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của UBND xã theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Lồng ghép nguồn kinh phí từ các chương trình, đề án, dự án về chuyển đổi số, cải cách hành chính, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các chương trình mục tiêu quốc gia đang triển khai trên địa bàn.

Huy động các nguồn lực hợp pháp từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn xã hội hóa để đầu tư, hỗ trợ các hoạt động chuyển đổi số; khuyến khích hình thức hợp tác công - tư trong triển khai hạ tầng số, nền tảng số và đào tạo kỹ năng số.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; thực hiện

công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả. Nội dung này được cụ thể hóa từ nguyên tắc huy động và sử dụng nguồn lực theo Kế hoạch cấp tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên đổi số thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao.

Chủ động rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách; đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với chuyên đổi số; tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu số và các nền tảng số trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; khai thác, cập nhật và chia sẻ dữ liệu theo quy định; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chuyên đổi số.

Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp với UBND xã để xem xét, chỉ đạo.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

Là đầu mối tham mưu theo dõi, đôn đốc và tổng hợp chung việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

Chủ động phối hợp với các phòng, cơ quan, đơn vị để xây dựng chỉ tiêu, biểu mẫu theo dõi và tổng hợp kết quả thực hiện hằng năm.

Định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện, những nội dung đã hoàn thành, những nội dung còn chậm, nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo Chủ tịch UBND.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

Chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung về chính quyền số, quản lý văn bản điện tử, hồ sơ công việc, dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ và khai thác các hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Phối hợp với Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến và mức độ hài lòng của người dân.

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội trong việc tổng hợp số liệu phục vụ đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

4. Công an xã

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 và các nhiệm vụ bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Phối hợp với các phòng chuyên môn khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, phát triển chính quyền số.

Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng định danh điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

5. Ban Chỉ huy Quân sự xã

Phối hợp bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương theo quy định.

6. Trung tâm phục vụ Hành chính công

Trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, thanh toán trực tuyến và sử dụng VNeID trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

Theo dõi những thủ tục người dân còn gặp khó khăn khi thực hiện trực tuyến; định kỳ phản ánh với Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội để có biện pháp tuyên truyền, hướng dẫn phù hợp.

7. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công

Tuyên truyền nội dung của kế hoạch trên trang thông tin điện tử và đài truyền thanh xã; Tuyên truyền đến bà con nhân dân cách cài đặt các ứng dụng trên Vneid; Xây dựng nội dung tuyên truyền ngắn, dễ hiểu trên hệ thống truyền thanh, trang thông tin điện tử, mạng xã hội chính thống và nhóm cộng đồng.

Duy trì chuyên mục kinh tế số - xã hội số trên hệ thống truyền thanh; phân đấu mỗi tháng có ít nhất 02 nội dung tuyên truyền thiết thực. Biên soạn tài liệu hướng dẫn dạng một trang, video ngắn, infographic; ưu tiên các chủ đề người dân cần dùng ngay.

8. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công; phối hợp triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của địa phương.

9. Các thôn, Tổ công nghệ số cộng đồng

Chủ động nắm tình hình, nhu cầu và những khó khăn của người dân trong tiếp cận công nghệ số; phối hợp tổ chức hướng dẫn trực tiếp cho người dân, nhất là người cao tuổi và những người còn hạn chế về kỹ năng số.

Phối hợp triển khai các đợt cao điểm về VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, “Bình dân học vụ số” và phòng, chống lừa đảo trên không gian mạng.

10. Các doanh nghiệp trên địa bàn

Phối hợp với UBND xã trong triển khai các hoạt động chuyển đổi số; phát triển hạ tầng số, thanh toán số, thương mại điện tử; tham gia đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số và các hoạt động xã hội hóa phục vụ chuyển đổi số của địa phương.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các Tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia các hoạt động phát triển kinh tế số, xã hội số.

Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên trong hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số; Hội Liên hiệp Phụ nữ trong hỗ trợ hội viên, hộ kinh doanh; các tổ chức, đoàn thể khác căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động tham gia các hoạt động phù hợp.

12. Chế độ thông tin, báo cáo

Các phòng chuyên môn, cơ quan đơn vị thuộc UBND xã và các cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ 06 tháng (trước ngày 10/6) và hằng năm (trước ngày 10/12) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND xã qua phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, tham mưu UBND xã báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn xã Ngọc Lặc giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045. Yêu cầu Trưởng các phòng, đơn vị; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Trưởng các thôn, các tổ Công nghệ số cộng đồng triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN (để b/c);
- TTr. Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- UB MTTQ Việt Nam xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trưởng các phòng, Trung tâm;
- các thôn, Tổ CNS cộng đồng;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Sơn

PHỤ LỤC I
DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026-2030
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGỌC LẶC

(Kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND ngày/8/2026 của UBND xã Ngọc Lặc)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo.	Ghi chú
I	Phát triển Hạ tầng số								
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn xã	%	60%	70%	80%	90%	100%	Phòng VHXXH	
2	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn xã	%	-	-	5%	10%	15%	Phòng VHXXH	
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	%	60%	70%	80%	90%	100%	Phòng VHXXH	
4	Phối hợp với Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh, giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống	Trung tâm	Có	Có	Có	Có	Có	Văn phòng HĐND&UBND	
II	Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động								
1	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	90%	100%	100%	100%	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lượng	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo.	Ghi chú
2	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	95%	99%	99%	99%	99%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
3	Chuẩn hóa và sử dụng có hiệu quả các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ chính quyền số theo đúng kế hoạch	%	100%	100%	100%	100%	100%	Văn phòng HĐND&UBND	
4	Tỷ lệ hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu	%	80%	85%	90%	95%	100%	Văn phòng HĐND&UBND	
5	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu dùng chung quốc gia, ngành, lĩnh vực, cấp tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI	%	80%	85%	90%	95%	100%	Các phòng, ban, trung tâm	
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định	%	90%	95%	100%	100%	100%	Các phòng, Ban, trung tâm	
7	Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số	%	100%	100%	100%	100%	100%	Phòng VHXXH	
8	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của địa phương được đào tạo bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số	%	50%	70%	100%	100%	100%	Phòng VHXXH	

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham muu; theo dõi, báo cáo.	Ghi chú
9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ	%	80%	90%	100%	100%	100%	Phòng VHXXH	
III	Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế								
1	Quy mô kinh tế số GRDP	%	10%	12%	15%	17%	20%	Phòng KT	
2	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	%	40%	45%	50%	55%	60%	Phòng KT	
3	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	%	10%	12%	15%	17%	17%	Phòng KT	
4	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước	%	30%	30%	35%	40%	45%	Phòng KT	
5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung	%	30%	32%	35%	37%	40%	Phòng KT	
IV	Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số								
1	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	%	80%	80%	80%	80%	100%	Phòng VHXXH	

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lượng	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì tham mưu; theo dõi, báo cáo.	Ghi chú
2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi đủ điều kiện trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	%	80%	85%	90%	95%	95%	Phòng VHXXH, các tổ CNS cộng đồng	
3	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	50%	55%	60%	65%	> 70%	Văn Phòng HĐND&UBND; Phòng VHXXH; các tổ CNS cộng đồng	
4	Tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử	%	93%	95%	95%	95%	100%	Phòng VHXXH chỉ đạo các Trạm y tế	
5	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	%	70%	> 70%	75%	80%	80%	Phòng VHXXH	
6	Tỷ lệ người dân trưởng thành có đủ điều kiện được cài đặt Ứng dụng số Thanh Hóa	%	80%	95%	100%	100%	100%	Phòng VHXXH; các tổ CNS cộng đồng	<i>Chỉ tiêu bổ sung mới</i>